

Bản án số: 240/2020/HC-PT

Ngày: 29 - 6 - 2020

V/v: Khiếu kiện quyết định áp dụng  
biện pháp khắc phục hậu quả trong  
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Huyền Vân

Ông Vũ Ngọc Huynh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 400/2019/TLPT-HC ngày 26 tháng 06 năm 2019 về việc: “Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 1778/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1616/2020/QĐ - PT ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* Ông Đỗ T

Địa chỉ: Số 12N, đường 11N, cư xá Ngân hàng, khu phố 5, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T (Có mặt)

Địa chỉ: 6/41 P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7

Địa chỉ: 7 T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Gia V (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Huỳnh Ngọc H - Phó phòng Quản lý đô thị Quận 7 (Có mặt)

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Đỗ T

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn kiện ngày 06/6/2016, biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 06/11/2018 và tại tòa, người khởi kiện ông Đỗ T (có đại diện) trình bày:*

Ông T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 385/QĐ-KPHQ ngày 29/1/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, vì các lý do:

Theo Báo cáo số 45/BC-UB/2002 ngày 17/12/2002 của Ủy ban nhân dân (UBND) phường T ghi nhận các hộ dân tại lô N đã sử dụng phần đất ở phía sau từ năm 1978.

Nguồn gốc căn nhà này, trước năm 1975, do ông Lê Duy A sử dụng, trong quá trình sử dụng từ những năm 1972, ông A đã sử dụng phần đất phía sau nêu trên. Khoảng năm 1989, ông A đi xuất cảnh, giao lại nhà cho Nhà nước. Năm 1990, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Đồng bằng Sông Cửu Long cấp cho ông T căn nhà nêu trên. Năm 2003, ông T được cấp Giấy nhận chủ quyền nhà đất sau khi hoàn tất thủ tục mua hóa giá căn nhà với Nhà nước.

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC, ngày 17/4/2015 của UBND phường T lại xác định thời điểm vi phạm: Trước năm 2003. Và Biên bản vi phạm hành chính nêu trên đã được lập không đúng đối tượng vi phạm. Vì phần đất mà Chủ tịch UBND Quận 7 cho rằng đã có sự lấn chiếm đều do ông Lê Duy A sử dụng từ trước năm 1972. Ông T chỉ là người tiếp tục duy trì hiện trạng nhà đất đã được sử dụng từ trước năm 1972 cho đến nay.

Căn cứ Khoản 1 Điều 36 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện..., thì áp dụng Nghị định của Chính phủ ....có hiệu lực tại thời điểm thực hiện vi phạm để xử lý mà Quyết định số 385/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND Quận 7 đã áp dụng Nghị định 102/2014/NĐ-CP để ban hành Quyết định nêu trên là sai.

Liên quan đến việc Công ty Mía Đường cấp đất cho một số hộ dân. Theo khoản 2.2 tại Công văn số 1094/CV-UB-QLĐT ngày 26/3/1999 của UBND TP. TP.HCM, thì Sở Địa chính – Nhà đất lập quyết định thu hồi đất, giao đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định thu hồi và giao đất theo phân cấp. Thế nhưng, đến nay, Công ty Mía đường vẫn chưa được giao đất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-Chính phủ ngày 15/5/2014 của Chính phủ, thì việc Công ty Mía Đường cấp đất cho một số hộ dân khi chưa có quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật không được xem là trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền. Vì vậy, việc UBND Quận 7 cho rằng phải lấy lại đất để giao cho các hộ dân nêu trên là không có căn

cứ.

*Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 (đại diện theo ủy quyền)*  
nêu ý kiến tại Văn bản số 8176/UBND ngày 06/12/2016:

Về nguồn gốc đất:

Khu đất có diện tích 5.825m<sup>2</sup> do Công ty đường Việt Nam mua lại của Ngân hàng quốc gia Việt Nam theo chứng thư trước bạ tại Sài Gòn ngày 29/12/1971 và đăng ký ngày 16/4/1974.

Ngày 20/7/1995, UBND huyện Nhà Bè (do ông Phan Thanh S – Trưởng phòng Địa chính làm đại diện) đã họp cùng Liên hiệp Mía đường II và Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè giao cho Liên hiệp Mía đường II 46 lô để xây dựng nhà cho cán bộ công nhân viên.

Ngày 28/7/1995, đại diện Công ty Mía đường II và đại diện Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè tiến hành bàn giao vị trí và cắm mốc các lô đất để xây dựng cho Công ty Mía đường II.

Ngày 05/02/1998, UBND Quận 7 đã có Thông báo số 19/1998-TB-UB về nội dung cuộc họp giải quyết đất giữa Công ty xây dựng và phát triển nhà Nhà Bè và Công ty đường Biên Hòa (Công ty Mía đường II) tại khu Cư xá Ngân hàng. Trong đó, đồng chí Chủ tịch UBND Quận 7 kết luận: Sau khi quy hoạch diện tích để xây dựng chợ nhằm di dời Cư xá Ngân hàng, diện tích còn lại được phân chia cho 2 đơn vị, trong đó giao Công ty đường Biên Hòa 40 lô, số lô còn lại giao cho Công ty Xây dựng và Phát triển nhà Nhà Bè.

Ngày 25/02/1998, UBND Quận 7 (do ông Trần Đình Thành – Phó phòng Quản lý đô thị làm đại diện) đã phối hợp với UBND phường T tiến hành đo đạc, xác định mốc và bàn giao đất cho Tổng Công ty Mía đường II với tổng số lô là 40 lô.

Ngày 12/11/1998, UBND Quận 7 đã có Tờ trình số 239/TT-UB-QLĐT gửi Kiến trúc sư trưởng thành phố về việc đề nghị duyệt quy hoạch phân lô khu nhà ở phường T, Quận 7.

Ngày 20/07/2000, Kiến trúc sư trưởng thành phố đã có Văn bản số 8455/KTST-QH về địa điểm xây dựng và có Văn bản số 9038/KTST-ĐB2 ngày 16/08/2000 về thỏa thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại phường T, Quận 7 với tổng khu đất 2.532m<sup>2</sup> (kèm bản vẽ quy hoạch).

Tháng 09/2000, Tổng Công ty Mía đường II ban hành các quyết định về việc phân phối nhà ở cho cán bộ công nhân viên của công ty, trong đó, cấp cho cán bộ công nhân viên 40 lô đất tại khu quy hoạch nhà ở phường T, Quận 7 sử dụng để xây nhà ở gia đình theo quy hoạch được duyệt.

Về pháp lý ranh đất sử dụng của Công ty mía đường:

Căn cứ bản vẽ hiện trạng vị trí số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 14/05/2012 do trung tâm đo đạc bản đồ thiết lập, áp ranh bản đồ quy hoạch phân lô khu nhà ở

phường T, Quận 7 được Kiến trúc sư trưởng thành phố duyệt ngày 16/08/2000 lên bản đồ hiện trạng vị trí; áp ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05628/2003 lên bản đồ hiện trạng vị trí. Xác định: phần đất phía sau nhà của ông Đỗ T thuộc dãy N (ranh theo giấy chứng nhận) là khoảng thông hành địa dịch cách ranh đất của Công ty Mía đường 1,5m.

Đồng thời tại Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của UBND phường T xác định: *“Qua khảo sát, kiểm tra tình hình hiện trạng thực tế khu đất của Công ty Mía đường II, Ủy ban nhân dân phường T có báo cáo như sau: Khu vực Cư xá Ngân hàng trước đây có hàng rào bảo vệ rõ ràng là ranh giới của khu nhà ở này với khu đất xung quanh, hiện nay các hộ dân tự phá hàng rào bảo vệ Cư xá Ngân hàng nói rộng diện tích sử dụng (của Công ty Mía đường) và lấn hết phần thông hành địa dịch của khu Cư xá Ngân hàng”*.

Theo bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/4000, thành lập năm 1983 xác định phần đất phía sau khu Cư xá Ngân hàng là đất có thửa, không phải đất rạch.

Do đó, xác định phần đất (nằm ngoài ranh công nhận) phía sau nhà ông Đỗ T là đất có thửa, không phải đất rạch; phần đất đã được đăng ký trước bạ cho Công ty Mía đường Miền Nam từ năm 1974.

**Pháp lý xác lập hành vi:**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; *“chỉ xử phạt vi phạm hành chính khi có hành vi vi phạm hành chính do pháp luật quy định”*; căn cứ Khoản 1 Điều 6 Nghị định 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 *“người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ”*. Do ông Đỗ T là người trực tiếp thực hiện hành vi vi phạm về trật tự xây dựng đô thị, lấn đất nên việc lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 04/BB-VPHC ngày 17/11/2015 và Biên bản vi phạm hành chính về việc lấn đất đai số 04/BB-VPHC ngày 17/11/2015 của UBND phường T là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 28, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; căn cứ Điều 68 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp quận, huyện; căn cứ Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND Quận 7 ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 385/QĐ-KPHQ đối với ông Đỗ T, cư ngụ tại: Số 12N đường 11N, khu phố 5, phường T, Quận 7 là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

***Tại bản án hành chính sơ thẩm 1778/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:***

Áp dụng: Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 01/01/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Điều 3, 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường xác định ranh giới thửa đất; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Xử: Không chấp nhận khởi kiện của ông Đỗ T yêu cầu hủy Quyết định số 385/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2018 người khởi kiện kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ T.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm hủy Quyết định số 385/QĐ-KPQH ngày 29/01/2016 của UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Do phần đất khiếu kiện ông T mua nhà từ chủ cũ ông T chỉ tiếp tục duy trì hiện trạng với phần đất này. Ông T sử dụng phần đất thuộc cư xá Ngân hàng chứ không có hành vi lấn chiếm của Công ty mía đường. Nếu cho rằng ông T lấn chiếm thì phải nêu rõ lấn chiếm của ai để trả lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND Quận 7: Về ranh giới số thửa UBND Quận 7 đã đo vẽ và đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai thành phố cung cấp bản đồ qua các thời kỳ đã xác định đất đang khởi kiện là của Công ty mía đường. Đất của ông Đỗ T lấn chiếm mà không chứng minh được là của ông thì phải trả lại. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:* Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Xét nội dung quyết định 385/2016/QĐ-KPHQ về phần quyết định ông T phải trả lại đất đã lấn nhưng không xác định rõ trả lại đất cho ai. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, hủy một phần quyết định 385 về phần buộc ông T phải trả lại đất lấn chiếm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 385/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch UBND Quận 7 (gọi tắt là Quyết định 385) là đúng quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 09/6/2016 ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy quyết định 385, căn cứ Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông T vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét tính hợp pháp của quyết định 385:

[2.1] Xét nguồn gốc nhà đất số 12N đường số 11 (N) cư xá Ngân hàng phường T, Quận 7 của ông T là do ông Đỗ T có hợp đồng mua (hóa giá) bán nhà thuộc sở hữu nhà nước ngày 08/10/2003, diện tích xây dựng 64,8m<sup>2</sup>, diện tích sử dụng 114,86m<sup>2</sup>, diện tích đất ở: 87,2m<sup>2</sup> (kèm bảng vẽ của công ty dịch vụ công ích lập). Ngày 01/12/2003, ông T được UBND Quận 7 cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở vào sổ số 05628/2003, đối với diện tích theo đúng như hợp đồng mua bán. Xét sau khi được cấp giấy chứng nhận, ông T không khiếu nại về diện tích nhà, đất được chứng nhận.

Căn cứ Công văn số 2657/TNMT ngày 22/8/2011 của UBND Quận 7 đề nghị áp ranh giấy chứng nhận của ông T lên bản vẽ; bản vẽ hiện trạng vị trí của Trung tâm đo đạc bản đồ số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 14/5/2012 thể hiện phần đất lân của ông T nằm ngoài ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 25m<sup>2</sup>.

Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7 đã lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 04/BB-VPHC và Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC ngày 17/11/2015 xác định ông Đỗ T có hành vi vi phạm: *Lấn đất ... trước năm 2003*.

Ngày 29/01/2016 Chủ tịch UBND Quận 7 ban hành Quyết định 385/2016/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Do hành vi lấn đất của ông T từ trước năm 2003 nên chịu sự điều chỉnh của Nghị định 04/1997/NĐ-CP của Chính phủ, nhưng Nghị định 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định buộc khắc phục hậu quả nhẹ hơn cho người vi phạm nên ủy ban áp dụng nghị định mới để giảm bớt trách nhiệm pháp lý cho người vi phạm không phải bồi thường thiệt hại là có đúng quy định pháp luật.

[2.2] Nội dung Quyết định 385 quyết định biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm:

+ Buộc ông Đỗ T tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Diện tích phá dỡ: 25,0 m<sup>2</sup>, cấu trúc: Tường gạch, mái tole

+ Buộc ông Đỗ T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm; trả lại đất đã lấn quy định tại Khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Diện tích: 25.0m<sup>2</sup>

Như phân tích nêu trên ông Đỗ T có hành vi lấn đất trước năm 2003 nhưng do quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên buộc ông Đỗ T tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm để khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm với diện tích phá dỡ: 25,0 m<sup>2</sup> cấu trúc tường, gạch, mái tôn mà là đúng quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014.

Đối với nội dung buộc ông T phải trả lại đất đã lấn. Xét thấy ủy ban quyết định ông Đỗ T phải trả lại đất đã lấn nhưng không thể hiện rõ sẽ trả lại đất cho ai. Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ủy ban xác định đất lấn trên thuộc diện tích đất của nhà máy Mía đường nhưng tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 chỉ quy định buộc phải trả lại đất đã lấn chứ không quy định rõ phải trả cho ai nên ủy ban chỉ quyết định như vậy, sau này nếu ủy ban xác định được đất đủ điều kiện giao cho ai thì giao cho người đó. Quan điểm hiểu như vậy là chưa đầy đủ, nếu không ghi rõ giao đất cho ai sẽ rất khó khăn trong việc thi hành án và quản lý đất sau này.

Mặt khác, đối với đất lấn của ông T sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 nhưng do có khiếu nại tranh chấp của công ty Mía đường từ năm 2005 nên ông T không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 100 Luật đất đai. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích của ủy ban xác nhận khiếu nại của công ty Mía đường hiện chưa được giải quyết. Vì vậy, nếu sau này có tranh chấp thì ông Đỗ T khởi kiện bằng vụ án khác.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, cần hủy một phần quyết định 385 về phần buộc trả lại đất.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

I. Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu đơn kháng cáo của ông Đỗ T

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 1778/2018/HC-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Áp dụng: Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 Nghị định số

04/NĐ-CP ngày 01/01/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Điều 3, 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường xác định ranh giới thửa đất; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

1. Hủy một phần Quyết định số 385/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đối với biện pháp khắc phục hậu quả nội dung: *buộc ông Đỗ T trả lại đất đã lấn quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ.*

2. Giữ nguyên phần Quyết định số 385/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đối với biện pháp khắc phục hậu quả nội dung: *Buộc ông Đỗ T tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Diện tích phá dỡ: 25,0 m<sup>2</sup>, cấu trúc: Tường gạch, mái tole. Buộc ông Đỗ T khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;*

## II. Về án phí hành chính:

1. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đỗ T không phải chịu án phí, hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0031197 ngày 26/9/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 7 phải chịu án phí 200.000 đồng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ T không phải chịu án phí, hoàn lại cho ông Đỗ T 300.000 đồng án phí theo biên lai thu số 0025655 ngày 08/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Dương sự (2);
- Lưu (6) 14b (MTTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Duyên**

